

Bản án số: **14/2026/DS-ST**

Ngày: 23 - 01 - 2026.

Về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Đặng Hoàng Mích.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Kim Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 04/2026/QĐST- DS ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 27/7/1955 (Có mặt)

Căn cước công dân số: 083 055 005 173, cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ: Ấp A, xã D, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: **Chị Trần Thị K**, sinh ngày **12/3/1988** (Vắng mặt)

Căn cước công dân số: 083 188 **017 374**, cấp ngày 12/8/2021.

Đăng ký thường trú: Ấp 2, xã Bình Đại, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ hiện ở: Ấp A, xã D, tỉnh Vĩnh Long.

Chị K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 14/01/2026.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị L, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã D, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn **khởi kiện** đề ngày 30/9/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Vốn là chỗ hàng xóm quen biết, nên khi nghe chị Trần Thị K nói rằng không có tiền làm đám tang cho người nhà và hỏi mượn tiền thì tôi đã cho chị K mượn số tiền là 35.000.000 đồng và không có làm giấy. Khi mượn tiền, chị K có hứa sau khi xong đám tang khoảng 05 ngày sẽ có người thân ở nước ngoài gửi tiền về để hoàn lại số tiền đã mượn.

Khoảng 01 tháng sau đám tang, không thấy hoàn trả lại nên tôi đã đến nhà chị K thì gặp bà Lê Thị L (là mẹ chị K), tại đây bà L hứa sẽ trả thay cho chị K và xin tôi cho trả dần mỗi tháng 600.000 đồng. Bà L trả cho tôi được 16.600.000 đồng thì ngưng không trả nữa. Số tiền còn lại chị K và bà L còn nợ tôi là 18.400.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Tôi đã nhiều lần liên hệ yêu cầu chị K và bà L hoàn trả số tiền còn lại nhưng hai người không có phản hồi nào với yêu cầu của tôi.

Nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị K và bà Lê Thị L phải hoàn trả cho tôi số tiền 18.400.000 đồng và không tính lãi suất.

- **Tại phiên Tòa:** Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, do chị K có trả thêm được 1.200.000 đồng, nên số tiền còn nợ lại 17.200.000 đồng. Vì vậy, nay chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân chị K trả số tiền nợ là 17.200.000 đồng. Đồng thời xin rút lại yêu cầu buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ liên đới với chị K trả nợ.

* Tại bản tự khai ngày 14/01/2026, bị đơn chị Trần Thị K trình bày:

Chị thừa nhận có mượn tiền và còn nợ ông Đ 18.400.000 đồng nhưng tính đến ngày 14/01/2026 có trả thêm được 1.200.000 đồng, nên hiện nay chỉ còn nợ lại 17.200.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.200.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Đối với bà Lê Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng bà đều **vắng mặt**, nên không thu thập được lời khai.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân **khu vực 8 - Vĩnh Long** tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. **Riêng** người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc chị K có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền nợ vay là 17.200.000 đồng và ghi

nhận sự tự nguyện ông Đ không tính lãi suất. Đồng thời đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc không yêu cầu bà L có nghĩa vụ liên đới với chị K trả số tiền nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ **lần thứ hai** để xét xử, nhưng bà L vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị K và bà L là phù hợp quy định tại **điểm b khoản 2** Điều 227, **khoản 1**, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ông Đ khởi kiện yêu cầu chị K có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là 17.200.000 đồng và không tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại **Điều 463** của Bộ luật dân sự năm 2015 và **khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị K có thường trú tại **ấp 3, xã Bình Đại**, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

[4]. Tại phiên Tòa, nguyên đơn xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bà Lê Thị L có nghĩa vụ liên đới với chị K trả nợ. Xét thấy, việc rút yêu cầu nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ **điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244** của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Đ về việc không yêu cầu bà Lê Thị L có nghĩa vụ liên đới với chị Trần Thị K trả số tiền nợ vay 17.200.000 đồng.

** Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của **ông Đ** buộc chị K có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay 17.200.000 đồng và không tính lãi suất.

[5]. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, xác định giữa **ông Đ** với chị K có giao dịch vay tiền với nhau. Ông Đ cho chị K vay 35.000.000 đồng vào ngày 03/8/2022 (âm lịch), hai bên chỉ thỏa thuận **bằng lời nói**, không tính lãi suất, về thời hạn trả nợ: Hứa sau khi xong đám tang khoảng 05 ngày có người thân ở nước ngoài gửi tiền về trả. Nhưng từ khi vay đến nay chỉ trả được 16.600.000 đồng + 1.200.000 đồng = 17.800.000 đồng, nên còn nợ lại: 17.200.000 đồng đến nay chưa trả.

Chị K thừa nhận hiện nay còn nợ ông Đ 17.200.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.200.000 đồng đến khi hoàn tất. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

[6]. Từ cơ sở phân tích trên, xác định được chị K có vay của ông Đ và còn nợ lại 17.200.000 đồng, hợp đồng vay được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, thỏa thuận bằng lời nói, không tính lãi suất, có thỏa thuận thời hạn trả nợ, nên được xem là Hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Qua hợp đồng vay thấy rằng, chị K đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn cho ông Đ đầy đủ, mặc dù đã đến thời hạn thanh toán nợ; nên ông Đ khởi kiện yêu cầu chị K trả số tiền nợ vay nêu trên là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về lãi suất:

Ông Đ chỉ yêu cầu trả vốn và không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8]. Xét yêu cầu xin trả dần của chị K:

Chị K xin trả dần mỗi tháng 1.200.000 đồng đến khi hoàn tất nợ nhưng ông Đ không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự thỏa thuận của các đương sự tại giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long về quan điểm giải quyết vụ án: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu án phí của số tiền 17.200.000 đồng là: 860.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Lê Thị L về việc không yêu cầu bà Lê Thị L có nghĩa vụ liên đới với chị Trần Thị K trả số tiền nợ vay 17.200.000 đồng (Mười bảy triệu, hai trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ đối với chị Trần Thị K về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

3. Buộc chị Trần Thị K phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền nợ vay vốn gốc là 17.200.000 đồng (Mười bảy triệu, hai trăm nghìn đồng).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, **bên** phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Trần Thị K phải có nghĩa vụ chịu là 860.000 đồng (Tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Trần Thị K, bà Lê Thị L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

